

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP QATECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP QATECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QATECH INDUSTRIAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QATECH INDUSTRIAL SERVICES

2. Mã số doanh nghiệp: 0110462046

3. Ngày thành lập: 24/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngách 47, ngõ 249 Thạch Bàn, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0379.095.293

Fax:

Email: qatechhp@gmail.com

Website: www.qa-tech.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669(Chính)
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng	7110
17.	Bán buôn tổng hợp	4690
18.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: - Sản xuất quần áo bảo hộ lao động; - Sản xuất găng tay	1410
19.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
21.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
22.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
23.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
24.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
25.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
28.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
29.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
32.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
33.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
34.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
35.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
36.	Đúc sắt, thép	2431
37.	Đúc kim loại màu	2432
38.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
40.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

42.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
43.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gấp lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.	2599
44.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
45.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
46.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
47.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
48.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
49.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
50.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
51.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
52.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
53.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
54.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
55.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

56.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
57.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
58.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
59.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
60.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
61.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
62.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
63.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác, + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất găng tay.	3290
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình thủy	4291
74.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
75.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
76.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
77.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311

78.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
79.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
80.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
81.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
83.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
84.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
85.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN QUÂN	Việt Nam	Khu dân cư Hòa Bình, Thị trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	031083006516	
2	NGUYỄN VĂN KHOÁN	Việt Nam	Đầu Vũ 1, Phường Văn Đầu, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	031083007082	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031083006516

Ngày cấp: 07/06/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu dân cư Hòa Bình, Thị Trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu dân cư Hòa Bình, Thị Trấn Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội